

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-3-2022
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trí Dũng.

Ông Nguyễn Hữu Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Lan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu Hưng Tiên, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn X** – sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có mặt, anh X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn X vào ngày 25/9/1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Trước khi cưới anh chị được tự nguyện tìm hiểu nhau. Sau khi cưới cuộc sống hạnh phúc đến năm 2007 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có cùng tiếng nói chung trong cuộc sống, anh X chơi bời không chịu làm ăn, bỏ bê gia đình dẫn đến chị và anh X ngày càng mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân nhau từ năm 2007 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay xác định tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh X.

Về con chung: Chị và anh X có 01 con chung là Nguyễn Văn T1 – sinh ngày

24/4/2000. Hiện nay cháu đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Văn X nhưng anh Nguyễn Văn X cố tình không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Tại phiên tòa 04/3/2022, anh Nguyễn Văn X vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa.

* Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn X vẫn vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn X.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn X.

- Về con chung: Con chung là Nguyễn Văn T1 – sinh ngày 24/4/2000. Hiện nay cháu đã trưởng thành nên không đặt ra Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn X có địa chỉ: Khu 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh X không có mặt nhưng Tòa án đã tổng đạt các quyết định, thông báo của Tòa án cho anh X theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh X tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh X.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn X tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Hai bên chung sống hòa thuận đến năm 2007 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, mỗi người sống một nơi. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh X đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Việc chị T xin ly hôn anh X là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh X có 01 con chung là Nguyễn Văn T1 – sinh ngày 24/4/2000. Hiện nay con chung đã trưởng thành, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn X.
2. Về con chung: Không giải quyết.
3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không giải quyết.
4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số: AA/2020/0004011 ngày 23/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh X vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã N.
- UBND TT Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn